

**CÔNG TY CỔ PHẦN FUTUREJP VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FUTUREJP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FUTUREJP VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108578533

**3. Ngày thành lập:** 09/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà BT2.14 – Khu chức năng Đô Thị Tây Mỗ, đường Hữu Hưng, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7911        |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4543        |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4659        |
| 4.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4791        |
| 5.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6619        |
| 6.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các doanh nghiệp dịch vụ việc làm                                                                                                                                                                                                                      | 7810(Chính) |
| 7.  | Cung ứng lao động tạm thời<br>(Loại trừ hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7820        |
| 8.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8551        |
| 9.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy:<br>+ Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên<br>+ Dịch vụ tư vấn du học | 8560        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8299 |
| 11. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4763 |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649 |
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651 |
| 14. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4799 |
| 15. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Môi giới bất động sản<br>- Tư vấn bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6820 |
| 16. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8552 |
| 17. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ, tin học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8559 |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4653 |
| 19. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4772 |
| 20. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4784 |
| 21. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5510 |
| 22. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết:<br>- Ký túc xá học sinh, sinh viên<br>- Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5590 |
| 23. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước<br>(Loại trừ hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7830 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                      | 4530 |
| 25. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                     | 7990 |
| 26. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 28. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                   | 7912 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHI TIẾN CHUNG  | P.12A10 Tòa nhà V1 Victoria, KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 50,000    | 0380820006<br>11                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                                         | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI VĂN VỊNH    | Số nhà 30 ngách 138/26 phố chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 30,000    | B5383049                                                                                    |         |
|     |                 |                                                                                                         | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ VINH | Số nhà 30 ngách 138/26 phố chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 20,000    | B6122716                                                                                    |         |
|     |                 |                                                                                                         | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHI TIẾN CHUNG

Giới tính: Nam

Chức danh:

Sinh ngày: 03/09/1982 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038082000611

Ngày cấp: 18/02/2016 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P.12A10 Tòa nhà V1 Victoria, KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P.12A10 Tòa nhà V1 Victoria, KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội